

NHỮNG DẪN LIỆU VỀ PHÂN LOẠI HỌ THẦU DẦU (EUPHORBIACEAE) Ở VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN, TỈNH ĐẮC LẮC

NGUYỄN THỊ HÒA, NGUYỄN THỊ KIM THANH,
NGUYỄN NGHĨA THÌN

Trường đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN

Trong số các họ thực vật hạt kín, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) được biết đến như là một trong những họ đa dạng nhất cả về thành phần loài và giá trị kinh tế. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay những nghiên cứu về phân loại họ Thầu dầu chưa có nhiều, ngoài những công trình mang tính chất giới thiệu chung trong các tài liệu về hệ thực vật của Phạm Hoàng Hộ (1972, 2001), Lê Khả Kế và cs. (1971); chỉ có một số ít công trình nghiên cứu về họ Thầu dầu của Gagnepain và Beille (1925-1927), Croizat (1942) viết đã lâu và gần đây có các công trình của Nguyễn Nghĩa Thìn công bố trên các báo, tạp chí và trên một số sách xuất bản [12 - 14]□ cho thấy việc nghiên cứu họ này còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết; bởi vậy chúng tôi đã tiến hành đề tài “Nghiên cứu phân loại họ Thầu dầu ở vườn quốc gia (VQG) Yok Đôn - tỉnh Đắc Lắc”, một VQG có diện tích lớn vào bậc nhất khu vực miền Trung - Tây Nguyên của nước ta.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp được sử dụng chủ yếu là phương pháp so sánh hình thái. Mặc dù trên thế giới đã có những phương pháp tiên tiến hơn song trong điều kiện nước ta hiện nay, phương pháp này vẫn tỏ ra có nhiều ưu thế bởi nó tiết kiệm được thời gian, tiền bạc và đảm bảo được độ chính xác cần thiết.

Tư liệu nghiên cứu là bộ mẫu thu thập được ở VQG Yok Đôn vào năm 2004, hiện đang được lưu trữ tại phòng bảo tàng thực vật của Trường đại học Khoa học tự nhiên (HNU) và VQG Yok Đôn.

Mẫu sau khi được thu thập và xử lý, sẽ được đem phân tích, vẽ hình và xác định tên khoa học dựa trên các công trình nghiên cứu của Nguyễn Nghĩa Thìn (1999), Thực vật chí đại cương

Đông Dương (1925-1927), Thực vật chí Trung Quốc (1994,1996,1997) và bộ mẫu trong Bảo tàng thực vật thuộc Trường đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Hệ thống phân loại họ Thầu dầu ở VQG Yok Đôn

Trên cơ sở các mẫu vật thuộc họ Thầu dầu thu được ở VQG Yok Đôn, chúng tôi đã xác định được 27 loài thuộc 16 chi, 14 tông và 4 phân họ, trong đó 24 loài đã xác định được tên khoa học hoàn chỉnh, còn 3 loài chưa xác định được; có thể đó là những loài mới cho hệ thực vật Việt Nam.

Theo Nguyễn Nghĩa Thìn (1999), các loài này có thể được sắp xếp theo hệ thống như sau:

Phân họ I: Phyllanthoideae

Tông Brideliaceae.

Chi *Bridelia* Willd.

1. *Bridelia tomentosa* Blume
2. *B. pierrei* Gagnep.

Tông Phyllanthaceae

Chi *Flueggea* Willd.

3. *Flueggea virosa* (Roxb. ex Willd.) Voigt.

Chi *Phyllanthus* L.

4. *Phyllanthus emblica* L.
5. *P. urinaria* L.
6. *P. virgatus* Forst.
7. *Phyllanthus* sp.

Tông Glochideae

Chi *Breynia* Forst. et Forst.f.

6B. Nhụy lép không tồn tại trong hoa đực (*Phyllanthus*)

7A. Cây gỗ trung bình hay cây bụi

8A. Bầu nhẵn□□□□□□□□□□□□□□□□ 4. *Phyllanthus* sp.

8B. Bầu có nhiều mụn nhỏ□□□□□□□□□□□□□□□□.5. *Phyllanthus emblica*

7B. Cây thân thảo nhỏ

9A. Chỉ nhị rời, bề mặt bầu có nhiều mụn□□□□□□□□□□□□□□□□.6. *Phyllanthus virgatus*

9B. Chỉ nhị dính, bề mặt bầu có các vảy nhỏ□□□□□□□□□□□□□□□□.7. *Phyllanthus urinaria*

5B. Hoa không tuyến mật

10A. Đài hoa đực dính hoàn toàn và gập vào phía trong ở đỉnh, chỉ nhị dính thành cột, bao phấn có trung đới (*Breynia*)□□□□□□□□□□□□□□□□.8. *Breynia rostrata*

10B. Đài hoa đực dính không hoàn toàn, chỉ nhị dính ở gốc, bao phấn úp xuống, không có trung đới (*Sauropus*)

11A. Thân không lông, hoa đơn tính cùng gốc

12A. Bầu không chia múi rõ, bao phấn rời, đài hoa đực có phần phụ□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.9. *Sauropus brevipes*

12B. Bầu chia múi rõ, bao phấn dính nhau một phần, đài hoa đực không có phần phụ□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.10. *Sauropus* sp.

11B. Thân phủ lông đơn, nâu sét, hoa đơn tính khác gốc□□□□□□□□□□□□□□□□.11. *Sauropus hirsutus*

2B. Hoa tạo thành chùm, bông hoặc chùy

12A. Đĩa mật tồn tại trong hoa đực (*Antidesma*)

13A. Phiến lá hình mác ngược, hẹp dần về gốc, chóp lá có đuôi, góc nhọn□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.12. *Antidesma fruticosum*

13B. Phiến hình bầu dục, chóp tù, góc hình tim□□□□□□□□□□□□□□□□.13. *Antidesma ghaesembilla*

12B. Đĩa mật không tồn tại trong hoa đực

14A. Quả không cánh (*Aporosa*)□□□□□□□□□□□□□□□□.14. *Aporosa villosa*

14B. Quả có cánh (*Hymenocardia*)□□□□□□□□□□□□□□□□.15. *Hymenocardia punctata*

1B. Thân thường phủ lông đơn, lông hình sao hoặc vẩy, cây thường có nhựa mủ, bầu mỗi ô 1 noãn, lá có tuyến ở gốc hay mép

15A. Nhựa mủ không màu

16A. Hoa mẫu 5, nhị dính sát ở đỉnh cột nhị, không có chỉ nhị (*Thyrsanthera*)□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.16. *Thyrsanthera suborbicularis*

16B. Hoa không mẫu 5

17A. Cụm hoa lưỡng tính

18A. Lá đơn, phủ lông trắng hình sao, cụm hoa đực dạng đầu, hoa cái đơn độc (*Cladogynos*)□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.17. *Cladogynos orientalis*

18B. Lá đơn hay xẻ thùy, phủ lông đơn, cụm hoa đực và cụm hoa cái được bao chung trong 2 lá bắc lớn dạng lá (*Dalechampia*)□□□□□□□□□□□□□□□□.18. *Dalechampia falcata*

17B. Cụm hoa đơn tính

19A. Lá hình dải có gân lông chim, chỉ nhị phân nhánh nhiều (*Homonoia*)□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.19. *Homonoia riparia*

19B. Lá không hình dải có gân lông chim với 3 gân gốc, chỉ nhị không phân nhánh (*Mallotus*)

20A. Lá hình trứng rộng, hình thái lá trong các cặp mọc đối không khác nhau, hoa đực dài 4□□□□□□□□□□□□.20. *Mallotus nanus*

20B. Lá hình bầu dục hay mác ngược, kích thước lá trong các cặp mọc đối khác nhau, hoa đực dài 3□□□□□□□□□□□□.21. *Mallotus* sp.

15B. Nhựa mủ có màu

21A. Thân phủ lông hình sao hoặc vẩy, cánh tràng còn tồn tại (*Croton*)□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.22. *Croton crassifolius*

21B. Thân không lông hoặc phủ lông đơn, cánh tràng không còn tồn tại

22A. Hoa có bao hoa, cụm hoa không được bao trong tổng bao chung (*Excoecaria*)□□□□□□□□□□□□□□□□□□.23. *Excoecaria cochinchinensis*

22B. Hoa không bao hoa, cụm hoa được bao trong tổng bao chung tạo thành dạng chén (*Euphorbia*)

23A. Chén có phần phụ dạng cánh hoa

24A. Lá thuôn dài, khoảng 3 cm, mép có răng cưa, góc lệch□□□□□□□□□□□□□□□□□□.24. *Euphorbia hypericifolia*

24B. Lá nhỏ, khoảng 1 cm, mép nguyên, đáy bằng.....25. *Euphorbia coudercii*

23B. Chén không có phần phụ dạng cánh hoa

25A. Thân phân đôi, nhẵn, phiến thuôn dài, đến 10 cm, góc nhọn□□□□□□□□□□□□□□□□...26. *Euphorbia heterophylla*

25B. Thân không phân đôi, phủ lông đơn dày, màu vàng, phiến hình trứng, 1,5 - 2 cm, gốc lá lệch□□□□□□□□□□□□...27. *Euphorbia hirta*

III. KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã phân tích và xác định tên khoa học cho 27 loài, được xếp trong 16 chi, 14 tông và 4 phân họ của họ Thầu dầu Euphorbiaceae ở VQG Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó, phân họ Phyllanthoideae là đa dạng nhất với 6 tông, 8 chi và 15 loài; 2 tông đa dạng nhất là Phyllanthaceae có 2 chi, 5 loài và Glochideae có 2 chi, 4 loài; 2 chi đa dạng nhất là *Euphorbia* và *Phyllanthus*, với 4 loài trong mỗi chi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Radcliff - Smith, 2001: Genera Euphorbiacearum, 454 p. Royal Botanic Garden, Kew.
2. Croizat, 1942: J. Arnold Arb., 22: 417 - 431.

3. **Delectis florae reipublicae popularis sinicae - Agendae academiae sinicae edita**, 1994: Flora popularis sinicae, 44(1-3). Science Press.
4. **F. Gagnepain, L. Beille**, 1925 -1927: Flore générale de l' Indo-Chine (H. Lecomte), 5: 229 - 673. Paris.
5. **Lê Khả Kế và cs.**, 1971: Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam, 2: 27 - 100. Hà Nội.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 1972: Thực vật chúng: 58 - 66. Nxb. Lửa Thiêng.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 2001: Cây cỏ Việt Nam, 2: 182 - 294. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
8. **Peter C. Van Welzen**, 1998: Blumea, 43(1): 131 - 164.
9. **Peter C. Van Welzen**, 1999: Blumea, 44(2): 411 - 436.

10. Peter C. Van Welzen, 2003: *Blumea*, 48(2): 319 - 391. Hanoi.
11. S. E. C. Sierra & P. C. Van Welzen, 2005: *Blumea*, 50(2): 249 - 274.
12. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1995: *Euphorbiaceae of Vietnam*, 50 p. Agriculture Publ. House,
13. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1999: *Khoá định loại và hệ thống phân loại họ Thầu dầu Việt Nam*, 138 p. Nxb. Nông nghiệp.
14. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1989: *Tạp chí Lâm nghiệp*, 8: 29 - 30.

TAXONOMICAL STUDY OF THE EUPHORBIACEAE FAMILY AT THE YOKDON NATIONAL PARK, DACLAC PROVINCE

NGUYEN THI HOA, NGUYEN THI KIM THANH,
NGUYEN NGHIA THIN

SUMMARY

During the time to study on Euphorbiaceae at the Yokdon national park, Daclac province, 27 species belonging to 16 genera, 14 tribes and 4 subfamilies have been analyzed and identified. Among them, 24 species had been fully identified while the remainders were still unidentified and maybe new for the Vietnam flora. **Phyllanthoideae** is the most rich subfamily with 6 tribes, 8 genera and 15 species. Two richest tribes are **Phyllanthae** with 2 genera, 5 species and **Glochideae** with 2 genera, 4 species. The genera *Euphorbia* and *Phyllanthus* are the richest ones with 4 species for each.

A classification system and an identified key to species were also established.

Ngày nhận bài: 1 - 2 - 2007